

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Phát và bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền T, sinh năm 1997; HKTT: 2 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 2 N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật H, sinh năm 1996; HKTT: 2 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 2 N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi, không lo làm ăn H về nhà xúc phạm, đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh H vẫn tính nào tạt đó không thay đổi. Trước đây, chị T cũng làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhưng rút đơn. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục và vợ chồng đã sống ly thân

từ tháng 02/2024 cho đến nay, không ai qua tâm chăm sóc đến ai nên chị **T** xin được ly hôn với anh **H**.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là **Nguyễn Nhật Q**, sinh ngày 29/8/2016 và **Nguyễn Nhật D**, sinh ngày 15/11/2019. Hiện 02 con chung đang sống với chị **T**. Ly hôn, chị **T** yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Nguyễn Nhật H** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **T** vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Bị đơn anh **H** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **T** cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** được ly hôn với anh **H**; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Q** và cháu **D** cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **H** không có yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không giải quyết; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Nguyễn Nhật H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **H** tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường **B**, thành phố **T**, tỉnh **Phú Yên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2016 ngày 28/11/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị **T**, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh **H** ham chơi, không lo làm ăn **H** về nhà xúc phạm, đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh **H** vẫn tính nết nào tặc đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh **H** để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh **H** không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay anh **H** vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh **H** không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **H** đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** đối với anh **H**.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị **T** và anh **H** có 02 con chung tên là **Nguyễn Nhật Q**, sinh ngày 29/8/2016 và **Nguyễn Nhật D**, sinh ngày 15/11/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay 02 con chung đang sống với chị **T**, vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các con. Ngoài ra, cháu **Q** có đơn xin tự nguyện sống với chị **T**. Do đó, để không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con nên cần tiếp tục giao cháu **Q** và cháu **D** cho chị **T** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Hiền T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hiền T** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật H**.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là **Nguyễn Nhật Q**, sinh ngày 29/8/2016 và **Nguyễn Nhật D**, sinh ngày 15/11/2019 cho chị **Nguyễn Thị H1** Thờ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị Hiền T** không yêu cầu anh **Nguyễn Nhật H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hiền T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002531 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND Phường 2, Tp T;
- (Số 69, ngày 28/11/2016)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang